

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2022

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 426/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036186012157; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7/17/62 đường V, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Phòng 1006 Tòa nhà T, số 91 đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1982; số chứng minh nhân dân: 162565089; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7/17/62 đường V, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Không có nơi cư trú cố định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 15-11-2021, bản tự khai ngày 29-11-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và Anh Phạm Ngọc L tổ chức lễ cưới vào ngày 25-12-2009, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 18-12-2009.

Sau khi kết hôn, chị và Anh Phạm Ngọc L đi thuê trọ, đến khoảng giữa năm 2010 thì vợ chồng mua nhà tại địa chỉ: Số 7/17/62 đường V, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do Anh L hay chơi lô đề, cờ bạc. Đến năm 2016 chị đã định làm đơn ly hôn, tuy nhiên sau đó Anh L có biểu hiện sửa đổi nên chị không nộp đơn ly hôn nữa. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, nguyên nhân là do Anh L vẫn chơi cờ bạc, không đóng góp tiền lương để đảm bảo cuộc sống gia đình. Vì vậy mặc dù hai vợ chồng không chính thức sống ly thân nhưng đối xử với nhau rất lạnh nhạt. Khoảng tháng 5/2020 thì Anh L thông báo vỡ nợ số tiền 450 triệu đồng, bố mẹ để Anh L đã phải đứng ra bán mảnh đất đã cho Anh L để trả nợ. Đến tháng 4/2021 thì Anh L lại thông báo vỡ nợ số tiền khoảng 700 triệu đồng. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng trở nên rất căng thẳng. Tháng 6/2021 thì Anh L nói với chị là nếu đưa 200 triệu đồng để Anh L trả nợ thì sẽ đồng ý ly hôn. Vì vậy chị đã vay ngân hàng 200 triệu đồng, vay bố mẹ để 50 triệu đồng đưa cho Anh Phạm Ngọc L trả nợ và nộp đơn xin ly hôn. Tuy nhiên vì thương các con nên sau đó chị lại xin rút đơn ly hôn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Sau đó đến tháng 8/2021 chị tiếp tục phải đưa cho Anh L số tiền 100 triệu để trả nợ. Đến cuối tháng 9/2021 thì chị lại phát hiện thấy Anh L đang nợ số tiền 450 triệu đồng. Vì vậy chị đã làm đơn ly hôn. Sau khi chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, Anh L lại nhờ chị giúp đỡ trả nợ hơn 300 triệu đồng. Tuy nhiên sau khi trả nợ thì chị thấy Anh L vẫn chơi cờ bạc, vẫn bị nợ nần. Đến đầu tháng 11/2021 Anh L lại tiếp tục xin chị số tiền 50 triệu đồng để trả nợ. Vì việc phải trả nợ cho Anh L nhiều lần nên toàn bộ tài sản của gia đình đã phải bán đi hết, ngoài ra còn phải vay thêm của gia đình, người thân. Hiện tại, chị xác định không có khả năng tiếp tục trả nợ cho Anh L, vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh L.

Về con chung: Chị và Anh Phạm Ngọc L có 02 con chung đều là con gái, tên là Phạm Phương T, sinh ngày 27-10-2010 và Phạm Tú U, sinh ngày 28-10-2017. Hiện cả 02 con đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị xin

được nuôi cả 02 con và yêu cầu Anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 16-12-2021, bị đơn là Anh Phạm Ngọc L trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-12-2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận bình thường đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh gặp khó khăn về kinh tế. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên anh đồng ý ly hôn với Chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đều là con gái, tên là Phạm Phương T, sinh ngày 27-10-2010 và Phạm Tú U, sinh ngày 28-10-2017. Hiện cả 02 con đều đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để Chị H nuôi cả 02 con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Phạm Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L.

- Giao cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cả hai con Phạm Phương T, sinh ngày 27-10-2010 và Phạm Tú U, sinh ngày 28-10-2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc Anh Phạm Ngọc L cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Buộc Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, buộc Anh Phạm Ngọc L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Anh Phạm Ngọc L, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là Anh Phạm Ngọc L không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H và bị đơn là Anh Phạm Ngọc L đều cư trú tại địa chỉ: Số 11C/71 đường Z, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã bán nhà, Chị H thuê nhà ở địa chỉ mới là: Phòng 1006 Tòa nhà T, số 91 đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định, còn Anh L không có địa chỉ cư trú cố định. Vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H và bị đơn là Anh Phạm Ngọc L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L tổ chức lễ cưới vào ngày 25-12-2009 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 18-12-2009. Như vậy hôn nhân giữa Chị H và Anh L là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị H và Anh L đi thuê nhà sống một thời gian ngắn. Đến giữa năm 2010 thì vợ chồng mua nhà và chung sống tại địa chỉ: Số 7/17/62 đường V, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Anh L chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mặc dù sau đó hai bên đã tìm biện pháp khắc phục để vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng từ năm 2018 cho đến nay thì Chị H và gia đình đã nhiều lần phải bán đất, bán nhà, vay tiền ngân hàng để trả nợ cho Anh L. Hiện tại cả Chị H và Anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa Chị H và Anh L ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L.

2.2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L có 02 con chung đều là con gái. Con lớn là Phạm Phương T, sinh ngày 27-10-2010 và con nhỏ là Phạm Tú U, sinh ngày 28-10-2017. Hiện cả 02 con đều do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, Chị H đề nghị được nuôi cả 02 con, Anh L đồng ý với yêu cầu nuôi con của Chị H, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho Chị H tiếp tục nuôi cả 02 con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Anh Phạm Ngọc L cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu của Chị H về việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm Chị H đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L.

2. Con chung:

Giao cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cả hai con là Phạm Phương T, giới tính: Nữ, sinh ngày 27-10-2010 và Phạm Tú U, giới tính: Nữ: sinh ngày 28-10-2017.

Buộc Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung (hai triệu đồng/một tháng/một con chung) kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị Nguyễn Thị H đã nộp tại biên lai số 0005042 ngày 15-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Ngọc L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường (ĐKKH số 40 quyền số 01/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Tuấn